

Bản án số: 65/2022/HSST
Ngày : 27/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hùng

Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Thanh, ông Đàm Chí Thân

- **Thư ký phiên tòa:** bà Mai Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Tiến Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2022/HS-ST ngày 08/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST- HS ngày 14/7/2022 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn Đ

Tên gọi khác: không. Sinh ngày 04/8/1989, tại thị xã Q, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 5/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Đỗ Văn Đ1, sinh năm 1966; họ và tên mẹ: Đỗ Thị L, sinh năm 1969. Vợ: Cao Thị H, sinh năm 1993, con: chưa. Gia đình bị cáo có bốn anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/4/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 21/4/2022, có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Nam K.

Tên gọi khác: không. Sinh ngày 15/8/1999, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Phạm Văn T (chết); họ và tên mẹ: Đỗ Thị B, sinh năm 1970. Anh chị em ruột có hai anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: chưa. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/4/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 21/4/2022, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T1.

Tên gọi khác; không. Sinh ngày 13/11/1990, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** thôn B1, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: lớp 5/12; Nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1966; họ và tên mẹ: Đỗ Thị T3 (chết). Anh chị em ruột có bốn anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1992, con: chưa. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/4/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 21/4/2022, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Văn Đ1.

Tên gọi khác: không. Sinh ngày 14/9/1979, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: lớp 4/12. Họ và tên bố: Lê Văn Đ2 (chết); họ và tên mẹ: Hoàng Thị T4, sinh năm 1941. Anh chị em ruột có 11 anh em, bị cáo là con thứ tám. Vợ: Hứa Thị Hoa, sinh năm 1983, có một con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 28/3/2003, Tòa án nhân dân huyện Yên Hưng (nay là thị xã Q) tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “cố ý gây thương tích”. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/4/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 21/4/2022, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn T5.

Tên gọi khác: không. Sinh ngày 10/7/1986, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** thôn B1, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn T6, sinh năm 1966; họ tên mẹ: Đỗ Thị Th7 (chết). Anh chị em ruột có 4 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1990. Con: có hai con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/4/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng “cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 21/4/2022, có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Văn T8.

Tên gọi khác: không. Sinh ngày 01/01/1979, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** thôn Hàn, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 6/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Lê Văn H2, sinh năm 1951; họ tên mẹ: Lê Thị H3, sinh năm 1950. Anh chị em ruột có 4 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1984; con: có 3 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/4/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 21/4/2022, có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Mạnh T9.

Tên gọi khác: Phạm Văn T9. Sinh ngày 21/10/1980, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** thôn B1, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân

tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Phạm Minh V (chết); họ tên mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1948. Anh chị em ruột có 5 anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Hoàng Thị T10, sinh năm 1981; con: có 4 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/4/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 21/4/2022, có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Quốc T11.

Tên gọi khác: không. Sinh ngày 16/02/1978, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** thôn B1, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: lớp 9/12; Nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Phạm Như C (chết); họ tên mẹ: Cao Thị K, sinh năm 1944. Anh chị em ruột có 4 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ, con: chưa. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 29/10/2010, Tòa án nhân dân huyện Yên Hưng (nay là thị xã Q) tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “đánh bạc”. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/4/2022, thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 21/4/2022, có mặt tại phiên tòa.

9. Phạm Văn P.

Tên gọi khác: không. Sinh ngày 16/7/1983, tại thị xã Q, tỉnh Q. **Nơi thường trú:** thôn B1, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 8/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Phạm Như C (chết); họ tên mẹ: Cao Thị K, sinh năm 1944. Anh chị em ruột có 4 anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Bùi Thị H4, sinh năm 1984. Con: có 3 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo ra đầu thú ngày 21/4/2022, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” có mặt tại phiên tòa.

-Người chứng kiến:

1. Anh Lê Văn Đ4, sinh năm 1985. Nơi cư trú: thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Q.

2. Chị Đỗ Thị T11, sinh năm 1985. Nơi cư trú: thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Q.

Hai người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 18/4/2022 tại gian phòng khách trong nhà của Đỗ Văn Đ, ở thôn B, xã L, thị xã Q, Công an thị xã Q bắt quả tang: Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức đánh “liêng” thu tại chiếu bạc số tiền 5.850.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài; 01 thảm

nhưng. Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ trên người số tiền dùng để đánh bạc, cụ thể: Đỗ Văn Đ 55.000 đồng; Lê Văn Đ1 514.000 đồng; Nguyễn Văn T5 2.610.000 đồng; Lê Văn T8 1.155.000 đồng.

Tổng số tiền sử dụng đánh bạc bị thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo là 10.184.000 đồng.

Đối với Phạm Văn P khi lực lượng Công an đến bắt quả tang đã bỏ chạy, đến ngày 21/4/2022 đã ra đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 18/4/2022, sau khi ăn cưới tại nhà anh Phạm Văn Quang ở thôn B, xã L, thị xã Q, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn P rủ nhau sang nhà Đan ở thôn B, xã L để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “liêng”. Đan, Thang và Phương sử dụng một bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại nhà Đan (không rõ ai là người chuẩn bị), ngồi trên chiếc thảm nhung của Đan trải dưới nền nhà phòng khách để đánh bạc. Sau đó có Phạm Nam K, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9 và Phạm Quốc T11 cùng tham gia đánh bạc. Cách thức đánh bạc dưới hình thức đánh “liêng” như sau: người thắng của ván bài trước sẽ là người chia ván bài sau bằng bộ bài tú lơ khơ 52 lá cho mỗi người 03 (ba) lá bài, trước khi chia bài thì mỗi người chơi sẽ bỏ 10.000 đồng vào giữa gọi là “gà” (ngoài ra người chơi có thể đặt cược riêng với người chơi khác, bài của ai to hơn sẽ thắng số tiền đặt cược), sau đó lần lượt từ phải qua trái bắt đầu từ người chia bài sẽ bỏ thêm tiền để “tố”, ai theo thì bỏ đủ số tiền người “tố” phía trước hoặc có thể “tố” thêm tiền. Khi tất cả người chơi thống nhất lật bài thì ai có điểm to hơn sẽ thắng, hoặc có người chơi “tố” mà những người chơi còn lại không bỏ tiền vào theo thì người “tố” đó sẽ thắng toàn bộ tiền “gà” của ván chơi đó. Quy định 03 quân bài của người chơi trong ván bài giống nhau thì gọi là “Sáp” (như 5-5-5), 03 quân bài liên nhau được gọi là “liêng” (thấp nhất là lá bài A-2-3; cao nhất là Q-K-A), 03 quân bài “hình” (là những lá bài hình không có số), cao điểm nhất là 09 điểm, thấp điểm nhất là 0 điểm. To nhất là “sáp”, xong đến “liêng” rồi đến “hình” và tính điểm. Số tiền đánh bạc được thua mỗi ván bài khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Ngoài những người trực tiếp cầm bài đánh, những người khác có thể ở ngoài thả cửa, đặt cược tiền vào bài của người trực tiếp ngồi đánh để so điểm với bài của người khác.

Trong quá trình các bị cáo tham gia đánh bạc có một số đối tượng đứng xung quanh xem và có tham gia đánh bạc dưới hình thức đặt tiền cược chung vào những người đang trực tiếp đánh bạc (thả cửa) nhưng không rõ cụ thể những ai, không rõ lai lịch. Quá trình đánh bạc tại nhà Đỗ Văn Đ, Đan tham

gia đánh bạc cùng 08 bị cáo khác nhưng không thu tiền của ai, không phân công cảnh giới, không cầm cố tài sản để đánh bạc.

Về thu giữ, xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q đã thu giữ điện thoại, tiền của các bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 40/QĐXLVC ngày 30/5/2022 trả lại tiền, điện thoại đã thu giữ của các bị can không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Đối với số tiền 10.184.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài đã qua sử dụng; 01 thảm nhung họa tiết lông gà kích thước 2,95 x 1,98 mét, chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q để giải quyết theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 65/CT - VKSQY ngày 06 tháng 7 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q đã truy tố bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P về tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn Đ khai nhận: khoảng 16 giờ 00 phút ngày 18/4/2022, sau khi ăn cưới tại nhà anh Phạm Văn Quang ở thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Q. Bị cáo Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn T1 và Phạm Văn P rủ nhau sang nhà Đan ở thôn B, xã L để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “liêng”. Đan, Thang và Phương sử dụng một bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại nhà Đan (không rõ ai là người chuẩn bị) ngồi trên chiếc thảm nhung của Đan trải dưới nền nhà phòng khách để đánh bạc. Sau đó có Phạm Nam K, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9 và Phạm Quốc T11 cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ 30 phút thì Công an đến bắt quả tang, thu giữ tại thảm đánh bạc số tiền 5.850.000 đ, 52 lá bài, 01 thảm nhung. Bị cáo bị thu giữ số tiền 55.000 đ.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P khai nhận phù hợp với lời khai bị cáo bị cáo Đỗ Văn Đ. Bị cáo Lê Văn Đ1 bị thu giữ 514.000 đ; bị cáo Nguyễn Văn T5 bị thu giữ 2.610.000 đ; bị cáo Lê Văn T8 bị thu giữ 1.155.000 đ. Các bị cáo không tranh luận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thị xã Q vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P về tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử : áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Văn P.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9,

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với 2 bị cáo Phạm Quốc T11 và Lê Văn Đ1;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng về tội “đánh bạc” thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt Nguyễn Văn T5, Phạm Văn P, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1 và Phạm Quốc T11 mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng về tội “đánh bạc” thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo Phạm Nam K, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9 mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “đánh bạc” thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T5, Phạm Văn P, Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Lê Văn Đ1 và Phạm Quốc T11 cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh Q quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Q trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Áp dụng điểm d Khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Nguyễn Văn T5, Phạm Văn P, Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Lê Văn Đ1 và Phạm Quốc T11.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.184.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá bài và 01 chiếc thảm nhung.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa **các** bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó: các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

*Về hành vi phạm tội:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q. Các bị cáo khẳng định lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật.

Người chứng kiến anh Lê Văn Đại, chị Đỗ Thị T11 khai: khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/4/2022 được chứng kiến Công an xã L bắt quả tang tại nhà Đỗ Văn Đ các đối tượng gồm: Đỗ Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Phạm Nam K, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Phạm Mạnh T9, Lê Văn T8, Phạm Quốc T11 đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “liêng”. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.850.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài; 01 thảm nhung.

Như vậy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai những người chứng kiến, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận: khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/4/2022, tại nhà của Đỗ Văn Đ thuộc thôn B, xã L, thị xã Q, tỉnh Q, Công an xã L phát hiện bắt quả tang Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh “liêng” được thua bằng tiền; Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.850.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài, 01 thảm nhung họa tiết. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.184.000 đồng. Đối với Phạm Văn P khi Công an đến bắt quả tang đã bỏ trốn, đến ngày 21/4/2022 ra đầu thú.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P phạm tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

1. “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Đánh bạc là tệ nạn xã hội không những gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến hạnh phúc trong mỗi gia đình mà còn là nguyên nhân dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật khác. Vì vậy, Nhà nước quy định tất cả những hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc, gá bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng

tiền đều phải xử lý trước pháp luật. Các bị cáo đều nhận thức được việc đánh bạc dưới hình thức đánh “liêng” là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Số tiền các bị cáo đánh bạc thu giữ ngày 18/4/2022 tại nhà Đỗ Văn Đ là 5.850.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.184.000 đ. Nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò các bị cáo trong vụ án thấy: đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đỗ Văn Đ là người khởi xướng, rủ và cho mượn địa điểm là nhà ở của mình để đánh bạc nên giữ vai trò đầu trong vụ án. Vai trò tiếp theo là bị cáo Nguyễn Văn T1, Phạm Văn P rủ các bị cáo khác đánh bạc; bị cáo Nguyễn Văn T5 bỏ ra số tiền nhiều nhất đánh bạc; bị cáo Phạm Quốc T11, Lê Văn Đ1 đã bị Tòa án xét xử về tội “cố ý gây thương tích” và tội “đánh bạc”. Giữ vai trò sau cùng trong vụ án là các bị cáo Lê Văn T8, Phạm Nam K, Phạm Mạnh T9 đã cùng tham gia đánh bạc, bỏ ra số tiền đánh bạc ít hơn. Cho nên việc đưa các bị cáo ra xử lý trước pháp luật là cần thiết, đáp ứng yêu cầu phòng chống các tội phạm về an ninh trật tự xã hội trong tình hình hiện nay. Cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo gây lên.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi vi phạm (trừ hai bị cáo Lê Văn Đ1 và bị cáo Phạm Quốc T11). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo. Bị cáo Đỗ Văn Đ trong thời gian đi bộ đội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tặng thưởng giấy khen. Đối với bị cáo Phạm Văn P sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Bố, mẹ của bị cáo Phạm Văn P và Phạm Quốc T11 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng, Huân chương hạng ba. Bị cáo Lê Văn Đ1 là người chấp hành chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân tại nơi cư trú, tích cực đóng góp hưởng ứng phong trào cả nước xây dựng nông thôn mới. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng: các bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, và Phạm Văn P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với bị cáo Lê Văn Đ1, Phạm Quốc T11 đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà để các bị cáo cải tạo ngoài xã hội để thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về vật chứng trong vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q đã thu giữ điện thoại, tiền của các bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q đã ra Quyết

định xử lý vật chứng số 40/QĐXLVC ngày 30/5/2022 trả lại tiền, điện thoại đã thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi đánh bạc.

Cơ quan điều tra thu giữ tổng số tiền 10.184.000 đ của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc ngày 18/4/2022 nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Thu giữ 01 bộ tú - lơ - khơ 52 lá bài, 01 thảm nhung là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Hình phạt bổ sung (phạt tiền): các bị cáo không có **việc làm**, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Về tội danh: bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P phạm tội “đánh bạc”

2. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Văn P.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn Đ1, Phạm Quốc T11.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt Đỗ Văn Đ: 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Văn T5: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Phạm Văn P: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Văn T1: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lê Văn Đ1: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Phạm Quốc T11: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Phạm Nam K: 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Lê Văn T8: 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Phạm Mạnh T9: 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P cho UBND xã L, thị xã Q, tỉnh Q quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thị xã Q - Tỉnh Q số: 97/LCCT - TA - HS ngày 11/7/2022 đối với Đỗ Văn Đ; số 98/ LCCT - TA - HS ngày 11/7/2022 đối với Phạm Nam K; số 99/ LCCT - TA - HS ngày 11/7/2022 đối với Nguyễn Văn T1; số 100/ LCCT - TA - HS ngày 11/7/2022 đối với Lê Văn Đ1; số 101/ LCCT - TA - HS ngày 11/7/2022 đối với Nguyễn Văn T5; số 102/ LCCT - TA - HS ngày 11/7/2022 đối với Phạm Mạnh T9; số 103/ LCCT - TA - HS ngày 11/7/2022 đối với Phạm Quốc T11; số 104/ LCCT - TA - HS ngày 11/7/2022 đối với Phạm Văn P; số 105/ LCCT - TA - HS ngày 11/7/2022 đối với Lê Văn T8.

4. Xử lý vật chứng: áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.184.000 đ (mười triệu, một trăm tám mươi tư nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú - lơ - khơ 52 lá bài; 01 chiếc thảm nhung. Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/7/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Q với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q - Tỉnh Q.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm; quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1-2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Luật phí và lệ phí.

Các bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn

P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đỗ Văn Đ, Phạm Nam K, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn T5, Lê Văn T8, Phạm Mạnh T9, Phạm Quốc T11 và Phạm Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- Viện KSND tỉnh Q;
- Viện KSNDTX Q;
- Cơ quan CSĐT CATX Q;
- Chi cục THADSTX Q;
- Sở tư pháp tỉnh Q;*
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Hùng